

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HS-ST

Ngày: 03-3-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Quan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tư.

2. Bà Dương Thị Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn An Phước - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Em - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2020/TLST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Tổng Thị Kim L (tên gọi khác: K), sinh năm 1962 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: đường H, khóm B, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Bán vé số dạo; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tống Văn M (chết) và bà Lê Thị U (chết); chồng: Lê Thành T (chết); con: 02 người, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2004.

Tiền án: Không.

Tiền sự: 01 lần. Ngày 28/01/2019, bị Công an phường B, quận K, thành phố Cần Thơ xử phạt 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Nhân thân: Năm 2015, bị Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xử phạt 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong.

Bị cáo được tại ngoại, có mặt.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Tống Thị Kim L: Bà Nguyễn Thị T - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Long; có mặt.

- *Bị hại:* Ông Phạm Thanh L, sinh năm 1930; nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Mai Văn Đ, sinh năm 1944; nơi cư trú: đường V, phường B, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1995; nơi cư trú: Ấp C, xã A, huyện L, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tống Thị Kim L nhiều lần bị xử lý về tội “Trộm cắp tài sản”. Năm 2017, chấp hành hình phạt tù xong, Long về địa phương sinh sống tiếp tục bằng nghề bán vé số dạo. Ngày 28/01/2019, bị Công an phường B, quận K, thành phố Cần Thơ xử phạt hành chính 1.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Đến ngày 12/9/2019, L tiếp tục thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản”, cụ thể:

Khoảng 10 giờ ngày 12/9/2019, L điều khiển xe đạp trên đường bán vé số như mọi ngày, khi đến tiệm sửa xe của ông Mai Văn Đ tại đầu hẻm số 71 đường N, Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; thấy ông Phạm Thanh L đang ngồi đợi sửa xe, L đến gần mời ông L mua vé số nhưng ông L không mua. L quan sát thấy giỏ xách của ông L bị rách nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản bên trong giỏ xách. L giả vờ hỏi chuyện để lợi dụng ông L không chú ý, L dùng tay phải kéo mở khóa rồi thò tay vào trong túi xách lấy một bóp da màu đen cất vào túi áo khoác bên phải. Sau đó nhanh chóng rời khỏi tiệm sửa xe, điều khiển xe đạp về hướng đường K, phường H, thành phố V rẽ vào đường đal gần Trường trung học cơ sở T lấy bóp tiền ra xem, thì thấy bên trong có 1.200.000 đồng và một số giấy tờ khác. L lấy tiền cất vào túi, còn bóp da và giấy tờ thì vứt vào thùng rác gần đó, tiếp tục đạp xe ra đường K đi bán vé số.

Lúc L thò tay lấy trộm cái bóp của ông L thì chị Nguyễn Thị Ngọc C là người bán quán nước gần tiệm sửa xe nhìn thấy nên khi L bỏ đi thì chị C và anh Đ đuổi theo. Khi đến đường K thì gặp L, yêu cầu về trụ sở Công an phường H, thành phố V để làm rõ, thì L thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của ông L, đồng thời giao nộp lại toàn bộ số tiền mà L lấy được và chỉ nơi vứt cái bóp để Cơ quan Công an thu hồi.

Tại phiên tòa, bị cáo Tống Thị Kim L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng với diễn biến sự việc như đã nêu ở phần trên.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Tổng Thị Kim L đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173; các điểm s, h khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Tổng Thị Kim L mức án 06 tháng tù. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTV QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình điều tra xác định: Đã nhận lại 01 bóp da, 01 giấy chứng minh nhân dân tên Phạm Thanh L, 01 thẻ hội viên hội người tù kháng chiến tên Phạm Thanh L và số tiền 1.200.000 đồng, nên không còn yêu cầu gì thêm đối với bị cáo; về hình phạt: Bị hại yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người làm chứng Mai Văn Đ đã xác định diễn biến sự việc như đã nêu ở phần trên.

Tại phiên tòa, người làm chứng Nguyễn Thị Ngọc C vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra cũng đã xác định diễn biến sự việc như đã nêu ở phần trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 91/HĐĐG&TTHS ngày 11/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thành phố V kết luận bóp da trị giá 20.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 16/CT-VKSTPV ngày 16/01/2020, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V truy tố bị cáo Tổng Thị Kim L về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, khẳng định nội dung cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật giữ nguyên việc truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Tổng Thị Kim L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173, các điểm s, h khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Tổng Thị Kim L mức án từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trả lại cho bị cáo 01 xe đạp Martin.

Về án phí: Bị cáo thuộc hộ cận nghèo. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTV QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Bị cáo không tranh luận gì với Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và vụ án còn được chứng minh qua các biên bản hoạt động điều tra, kết luận định giá, lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng, lời khai bị cáo trong suốt quá trình điều tra và cũng như tại phiên tòa hôm nay và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xét có đủ cơ sở để kết luận.

Ngày 28/01/2019, bị cáo Tổng Thị Kim L bị Công an phường B, quận K, thành phố Cần Thơ xử phạt hành chính 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Ngày 12/9/2019, bị cáo tiếp tục lén lút thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản” của ông Phạm Thanh L, tài sản mà bị cáo chiếm đoạt trị giá 1.220.000 đồng (trong đó bóp da trị giá 20.000 đồng; bên trong có 02 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng). Do đó, bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Viện kiểm sát nhân dân thành phố V truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm.

[3] Tội phạm do bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại mà còn gây mất trật tự trị an ở địa phương. Để phòng chống loại tội phạm này trong tình hình hiện nay đối với bị cáo cần phải xử lý nghiêm. Bản chất thích hưởng thụ, lười lao động, không tích cực tham gia sản xuất để tạo ra của cải cho bản thân mà đi trộm cắp tài sản để phục vụ cho việc tiêu xài cá nhân, lợi dụng sơ hở của bị hại, dẫn đến bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đã nhận thức được hành vi mà mình thực hiện là sai trái, vi phạm pháp luật.

Mặc khác, bị cáo biết tài sản của cá nhân, cơ quan, tổ chức được pháp luật bảo vệ, biết hành vi chiếm đoạt tài sản sẽ bị pháp luật trừng trị nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, điều này thể hiện sự xem thường pháp luật của bị cáo.

Vì vậy, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra và giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt. Hội đồng xét xử xét thấy phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục và để cho bị cáo có thời gian mà cải tạo cho bị cáo thấy được sai trái để sửa chữa, trở thành người công dân có ích cho xã hội, đồng thời răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội đối với bị hại là người đủ 70 tuổi trở lên (90 tuổi). Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị cáo có 02 người con bị khuyết tật nặng. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s, h khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 khi Hội đồng xét xử xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với số tiền 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng) Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại theo biên bản về việc trả lại tài sản ngày 15/10/2019, bị hại không còn yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Xử lý vật chứng:

Đối với 01 bóp da, 01 giấy chứng minh nhân dân tên Phạm Thanh L, 01 thẻ hội viên hội người tù kháng chiến tên Phạm Thanh L. Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại theo biên bản về việc trả lại tài sản ngày 15/10/2019, bị hại không còn yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xử lý.

Đối với xe đạp hiệu Martin màu xanh, có gắn rõ phía trước, yên xe phía trước bị rách, xe đã qua sử dụng là tài sản thuộc sở hữu của bị cáo. Bị cáo dùng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản. Đây là vật chứng của vụ án, theo quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 thì bị tịch thu, sung quỹ Nhà nước. Tuy nhiên, xét thấy hoàn cảnh gia đình của bị cáo thuộc hộ cận nghèo, giá trị xe không lớn; hơn nữa tài sản nêu trên không phải là tài sản do phạm tội có được trực tiếp từ việc thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử không cần thiết tịch thu, sung quỹ Nhà nước đối với tài sản nêu trên mà trả lại cho bị cáo để dùng làm phương tiện đi lại và mua bán.

[8] Về hình phạt bổ sung: Đây là loại tội phạm ngoài hình phạt chính còn có thể áp dụng hình phạt tiền bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Xét thấy, bị cáo thu nhập không ổn định, thuộc hộ cận nghèo nên miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về án phí:

Bị cáo thuộc hộ cận nghèo. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTV QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[10] Xét đề nghị của người bào chữa chỉ định cho bị cáo Tống Thị Kim L là có căn cứ chấp nhận.

[11] Xét đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố V là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Tống Thị Kim L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173; các điểm s, h khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Tống Thị Kim L 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày chấp hành án.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Các vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 17/01/2020 giữa Công an thành phố V với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V được xử lý như sau:

Trả lại cho bị cáo Tống Thị Kim L 01 (một) xe đạp hiệu Martin màu xanh, có gắn rõ phía trước, yên xe phía trước bị rách, xe đã qua sử dụng.

3. Về án phí:

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTV QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Tống Thị Kim L.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp;
- Cơ quan điều tra cùng cấp;
- Nhà tạm giữ CATP V;
- Tòa án cấp trên trực tiếp;
- Chi cục THADS TP V;
- UBND phường T, TP V;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ; VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Quan